PHỤ LỤC

79 QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG ĐƯỢC CHỦ TỊCH UBND ỦY QUYỀN GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG GIẢI QUYẾT

(ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh Đồng Nai)

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
I. Lĩnh vực Bảo vệ thực vật					
1. Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật - Số hồ sơ TTHC: 1.003971. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	1.000.000 đồng/lần	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	3 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**5 ngày làm việc**		
2. Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật- Số hồ sơ TTHC: 1.004546. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông	0,5 ngày làm việc	Không	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
		nghiệp và Môi trường			
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	1 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Tổng cộng thời gian giải quyết			**03 ngày làm việc**		
3. Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật - Số hồ sơ TTHC 1.004524. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	1 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**3 ngày làm việc**		
4. Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật- Số hồ sơ TTHC: 1.004493. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông	0,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
		nghiệp và Môi trường			
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	3 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Tổng cộng thời gian giải quyết			**5 ngày làm việc**		
5. Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón - Số hồ sơ TTHC 1.007929. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**7 ngày làm việc**		
6. Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu -Số hồ sơ TTHC 1.003395 . Một phần					

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,1 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,2 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	1 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông	0,2 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
		nghiệp và Môi trường			
Tổng cộng thời gian giải quyết			**2 ngày làm việc**		
7. Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế *(bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng).* **Mã TTHC: 1.007999 . Một phần**					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	7 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC *(Trường hợp hồ sơ cần*	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
	bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)				
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**10 ngày làm việc**		
8. Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại. Mã TTHC: 1.007994. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	10 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**13 ngày làm việc**		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
9. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón. Số hồ sơ TTHC: 1.007927 .Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (trừ cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón): 6.000.000 đồng/01 cơ sở/lần. Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón: 3.000.000 đồng/01 cơ sở/lần	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	18 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**20 ngày làm việc**		
10. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón. Số hồ sơ TTHC: 1.007928. Một phần *Trường hợp 1: thay đổi về địa điểm sản xuất phân bón; thay đổi về loại phân bón, dạng phân bón, công suất sản xuất trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).*					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (trừ cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón): 2.500.000 đồng/01 cơ sở/lần Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón: 1.200.000 đồng/01 cơ sở/lần.	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	18 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**20 ngày làm việc**		
Trường hợp 2: trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên Giấy chứng nhận (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, không tính thời gian khắc phục nếu có của tổ chức, cá nhân).					

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón (trừ cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón): 2.500.000 đồng/01 cơ sở/lần Phí thẩm định cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón, đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón: 1.200.000 đồng/01 cơ sở/lần.	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Trồng trọt	5,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông	0,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
		nghiệp và Môi trường			
Tổng cộng thời gian giải quyết			**8 ngày làm việc**		
II.Lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản					
1. Tên TTHC: Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản. Mã số TTHC: 2.001827 . Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 2	Chuyển hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày	700.000 đồng/cơ sở	
Bước 3	Xử lý hồ sơ	1. Các phòng chuyên môn thuộc Chi cục phát triển nông thôn: - Phòng Trồng trọt - Phòng Quản lý chất lượng 2. Các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản: - Phòng Chăn nuôi - Phòng Thú y - Phòng Thủy sản	12.5 ngày		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày		
Bước 5	Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
	Tổng cộng thời gian làm việc		**15 ngày**		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
2. Tên TTHC: Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Mã số TTHC: 2.001730. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Phí thẩm định và chứng nhận mậu dịch tự do (FSC), giấy chứng nhận sản phẩm thuốc (CPP), các giấy chứng nhận thuốc thú y để xuất khẩu: 180.000 đồng/01 loại thuốc. Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận thức ăn chăn nuôi lưu hành tự do tại Việt Nam: 350.000 đồng/01 sản phẩm/lần.	
Bước 2	Chuyển hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	1. Các phòng chuyên môn thuộc Chi cục phát triển nông thôn: - Phòng Trồng trọt - Phòng Quản lý	1,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
		chất lượng 2. Các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản: - Phòng Chăn nuôi - Phòng Thú y - Phòng Thủy sản			
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Tổng cộng thời gian làm việc			**03 ngày làm việc**		
3. Tên TTHC: Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Mã số TTHC: 2.001726. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không.	
Bước 2	Chuyển hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Phát triển nông thôn, Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	1. Các phòng chuyên môn thuộc Chi cục phát triển nông thôn: - Phòng Trồng	1,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
		trọt - Phòng Quản lý chất lượng 2. Các phòng chuyên môn thuộc Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản: - Phòng Chăn nuôi - Phòng Thú y - Phòng Thủy sản			
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho Tổ chức/cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
	Tổng cộng thời gian làm việc		**03 ngày làm việc**		

III. Lĩnh vực thủy sản					
1. Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thuỷ sản. Mã thủ tục: 1.004943 - Một phần					
a. Đối với trường hợp phê duyệt đề cương khảo nghiệm, đồng thời cấp phép nhập khẩu giống thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu)					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thuỷ sản	4,5 ngày làm việc		

Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**8 ngày làm việc**		
b. Đối với trường hợp ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thuỷ sản					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thuỷ sản	4,5 ngày làm việc		

Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**8 ngày làm việc**		
2. Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá. Mã thủ tục: 1.004929. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thuỷ sản	3,5 ngày		

Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2 ngày		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**07 ngày**		
3. Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm. Mã thủ tục: 1.004794. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thuỷ sản	02 ngày làm việc		

Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**04 ngày làm việc**		
4. Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thuỷ sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thuỷ sản. Mã thủ tục: 1.004683. Một phần					
a. Trường hợp thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện khảo nghiệm và phê duyệt đề cương khảo nghiệm					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		

Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thuỷ sản	8,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**12 ngày làm việc**		
b.Trường hợp công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		

Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thuỷ sản	4,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**08 ngày làm việc**		
5. Công bố mở cảng cá loại I. Mã TTHC: 1.004654. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		

Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thuỷ sản	04 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**06 ngày làm việc**		
6. Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm. Mã thủ tục: 2.001694 . Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		

Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thuỷ sản	02 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**4 ngày làm việc**		
7. Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu, hợp tác quốc tế). Mã thủ tục: 1.003851. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		

Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thuỷ sản	11,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**15 ngày làm việc**		
8. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá. Mã thủ tục: 1.003741. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	12.450.000 Đồng	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		

Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thuỷ sản	6,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	2 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**10 ngày làm việc**		
9. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá. Mã thủ tục: 1.003726. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		

Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thuỷ sản	1 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ *(Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)*	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**03 ngày làm việc**		
IV. Lĩnh vực chăn nuôi					
1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Mã TTHC: 1.011031. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	17,5 ngày làm việc		

Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**20 ngày làm việc**		
2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi. Mã TTHC: 1.011032. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	1,75 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**03 ngày làm việc**		

3. Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu. Mã TTHC: 1.008124					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	1,75 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**03 ngày làm việc**		
4. Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu. Mã TTHC: 1.008125. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	1,75 ngày làm việc		

Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**03 ngày làm việc**		
5. Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước. Mã TTHC 3.000127. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	12,5 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**15 ngày làm việc**		
6. Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu .Mã TTHC 3.000128. Toàn trình					

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	12,5 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**15 ngày làm việc**		
7. Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung. Mã TTHC 3.000129. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	8 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		

Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**10 ngày làm việc**		
8. Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung . Mã TTHC 3.000130. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	8 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**10 ngày làm việc**		
9. Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Mã TTHC: 1.008122. Toàn trình					

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	350.000 đồng/01 sản phẩm/mục đích/lần	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	8 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**10 ngày làm việc**		
10. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi Mã TTHC 1.008126. Một phần					
- Đối với cơ sở sản xuất thức ăn bổ sung; cơ sở sản xuất đồng thời thức ăn bổ sung và thức ăn chăn nuôi khác nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng và cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng (trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu phải đánh giá điều kiện thực tế để cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi)					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế):	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	01 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	22 ngày làm việc		

Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc	5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần	
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**25 ngày làm việc**		
- Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế: 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần).	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	8 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**10 ngày làm việc**		
11. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi. Mã TTHC 1.008127. Toàn trình					
- Đối với cơ sở sản xuất thức ăn bổ sung; cơ sở sản xuất đồng thời thức ăn bổ sung và thức ăn chăn nuôi khác; cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo đề nghị của bên nhập khẩu					

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	250.000 đ/01 cơ sở/lần	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Chăn nuôi	03 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**05 ngày làm việc**		
V. Lĩnh vực thú y					
1. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma tuý, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm vắc xin). Mã TTHC 1.011326. Một phần					
1.1 Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma tuý, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm vắc xin)					
a) Trường hợp Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất				- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên:	
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		

Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	5,5 ngày làm việc	1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**8 ngày làm việc**		
b) Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất cùng trên dây chuyền sản xuất thuốc thú y đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	3 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		

				1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	
Tổng cộng thời gian giải quyết			**05 ngày làm việc**		
1.2. Trường hợp 2. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trong trường hợp giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng hoặc có thay đổi về thông tin của cơ quan, tổ chức (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin). Mã TTHC 1.011326.					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	3 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**05 ngày làm việc**		
1.3 Trường hợp 3. Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất trong trường hợp có thay đổi về địa điểm, quy mô, chủng loại, loại hình nghiên cứu, sản xuất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin). Mã TTHC 1.011326					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	01 ngày làm việc		

Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	11 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**15 ngày làm việc**		
2. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y. Mã TTHC 1.002409 - Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	5,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**8 ngày làm việc trực tiếp**		
3. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký). Mã TTHC 1.002373. Toàn trình					

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	2,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**5 ngày làm việc**		
4. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin). Mã TTHC 1.002549. Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần.	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	5,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		

				- Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	
Tổng cộng thời gian giải quyết			**8 ngày làm việc**		
5. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin). Mã TTHC 1.002432. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	3 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**05 ngày làm việc**		
6. Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu. Mã TTHC 1.003703. Một phần					
**** Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức đã đăng ký hoặc thừa nhận***					
- Xác nhận vào bản đăng ký của người nhập khẩu: 01 ngày làm việc.					

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,125 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	0,25 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,125 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**01 ngày làm việc**		
**** Đối với thuốc thú y nhập khẩu theo kết quả chứng nhận của tổ chức chứng nhận được chỉ định:***					
- Trường hợp hồ sơ đầy đủ					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,125 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	0,25 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,125 ngày làm việc		

<table>
<tr><td colspan="3">Tổng cộng thời gian giải quyết</td><td>01 ngày làm việc</td><td></td><td></td></tr>
<tr><td colspan="6">- Trường hợp hồ sơ đầy đủ nhưng không phù hợp</td></tr>
<tr><td colspan="4">+ Trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu về nhãn, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, yêu cầu người nhập khẩu khắc phục về nhãn hàng hóa</td><td rowspan="7"></td><td rowspan="7"></td></tr>
<tr><td>Bước 1</td><td>Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)</td><td>Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường</td><td>0,5 ngày làm việc</td></tr>
<tr><td>Bước 2</td><td>Chuyển xử lý hồ sơ</td><td>Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản</td><td>0,5 ngày làm việc</td></tr>
<tr><td>Bước 3</td><td>Xử lý hồ sơ</td><td>Phòng Thú y</td><td>2,75 ngày làm việc</td></tr>
<tr><td>Bước 4</td><td>Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC</td><td>Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường</td><td>01 ngày làm việc</td></tr>
<tr><td>Bước 5</td><td>Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân</td><td>Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường</td><td>0,5 ngày làm việc</td></tr>
<tr><td colspan="3">Tổng cộng thời gian giải quyết</td><td>05 ngày làm việc</td></tr>
<tr><td colspan="6">+ Trường hợp hàng hóa nhập khẩu có chứng chỉ chất lượng không phù hợp với hồ sơ của lô hàng nhập khẩu hoặc chứng chỉ chất lượng không phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu không đáp ứng yêu cầu chất lượng theo quy định tại Mẫu số 03 gửi tới cơ quan hải quan và người nhập khẩu. Đồng thời báo cáo cơ quan quản lý có thẩm quyền để xử lý theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định này</td></tr>
</table>

+ Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, cơ quan kiểm tra xác nhận các hạng mục hồ sơ còn thiếu trong phiếu tiếp nhận hồ sơ và yêu cầu người nhập khẩu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn 15 ngày làm việc đối với dược phẩm thú y và 60 ngày đối với vắc xin, kháng thể thú y, nếu quá thời hạn mà vẫn chưa bổ sung đủ hồ sơ thì người nhập khẩu phải có văn bản gửi cơ quan kiểm tra nêu rõ lý do và thời gian hoàn thành. Các bước kiểm tra tiếp theo chỉ được thực hiện sau khi người nhập khẩu hoàn thiện đầy đủ hồ sơ.					
+ Trường hợp người nhập khẩu không hoàn thiện đầy đủ hồ sơ trong thời hạn quy định, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi hết thời hạn bổ sung hồ sơ, cơ quan kiểm tra ra thông báo kết quả kiểm tra nhà nước về chất lượng hàng hóa nhập khẩu theo quy định					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,125 ngày làm việc		
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	0,25 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,125 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**01 ngày làm việc**		
**** Đối với thuốc thú y áp dụng miễn kiểm tra chất lượng***					
Thông báo bằng văn bản yêu cầu hoàn thiện hồ sơ					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		

Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	1,25 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**03 ngày làm việc**		
Xác nhận miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thú y	2,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**05 ngày làm việc**		
VI. lĩnh vực thủy lợi					

1. Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 1.004427. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	22 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**25 ngày làm việc**		
2. Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 2.001796. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	01 ngày làm việc		

Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	12 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**15 ngày làm việc**		
3. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 2.001426. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	01 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	12 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		

Tổng cộng thời gian giải quyết			**15 ngày làm việc**		
4. Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 2.001795. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	12 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**15 ngày làm việc**		
5. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 1.003870. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1 ngày làm việc		

Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	7 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**10 ngày làm việc**		
6. Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 1.003921. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1,5 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**3 ngày làm việc**		

7. Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 1.003893. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1,5 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**3 ngày làm việc**		
8. Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 2.001793. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	5,5 ngày làm việc		

Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**7 ngày làm việc**		
9. Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 1.004385. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	7 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**10 ngày làm việc**		
10. Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 2.001791. Toàn trình					

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	12 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**15 ngày làm việc**		
11. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 1.003880. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	7 ngày làm việc		

Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**10 ngày làm việc**		
12. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thuỷ lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 2.001401. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	3,5 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**5 ngày làm việc**		
13. Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 1.003211. Toàn trình					

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	9 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**12 ngày làm việc**		
14. Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 1.003203. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	9 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		

Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**12 ngày làm việc**		
15. Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Mã thủ tục: 1.003188. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	1 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thủy lợi	22 ngày làm việc		
Bước 4	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1 ngày làm việc		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**25 ngày làm việc**		
VII. Lĩnh vực lâm nghiệp					
1. Cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp. Mã TTHC: 3.000179. Một phần					

Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng phát triển rừng	02 ngày làm việc		
Bước 3	Ký duyệt tờ trình	Lãnh đạo Chi cục	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Xem xét và Cấp giấy phép	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển trả hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			**04 ngày làm việc**		
2. Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, hư hỏng. Mã TTHC: 3.000180. Toàn trình					
Bước 1	Nhận và chuyển hồ sơ cho đơn vị xử lý (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng phát triển rừng	01 ngày làm việc		
Bước 3	Ký duyệt tờ trình	Lãnh đạo Chi cục	0,5 ngày làm việc		

Bước 4	Xem xét và Cấp giấy phép	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển trả hồ sơ	Bộ phận một cửa	0,25 ngày làm việc		
Tổng thời gian giải quyết			**03 ngày làm việc**		

VIII- LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG					
1. Cấp giấy phép môi trường. Mã thủ tục hành chính: 1.010727. Một phần					
1.1. Trường hợp 1: 20 ngày					
a) Lưu đồ thẩm định nộp lần đầu:					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích).	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày	Phụ lục đính kèm	Trực tuyến toàn trình khi có yêu cầu của Chủ dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Môi trường	17 ngày		- Lấy ý kiến các Cơ Quan, Chuyên Gia; Công khai

					thông tin (Nếu Hồ Sơ Đủ Điều Kiện) (*), thời gian 10 ngày. - Chờ ý kiến các cơ quan, chuyên gia; tiếp nhận ý kiến các cơ quan, chuyên gia và chuyển Phòng Môi trường (**) ngừng xử lý tối đa 20 ngày - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh
Bước 4	- Ký giấy phép và công khai giấy phép môi trường. - Ký văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày		- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC. - Hoặc Chuyển hồ sơ

					không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC.
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết		**20 ngày**			
b) Lưu đồ nộp sau khi chỉnh sửa, bổ sung:					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích).	Trung tâm phục vụ HCC	0,25 ngày	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Môi trường	03 ngày		
Bước 4	- Ký giấy phép và công khai giấy phép môi trường. - Ký văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày		
Bước 5	- Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC ; - Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	- Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường ; - Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày		- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC. - Hoặc chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC.
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết		**05 ngày**			

1.2. Trường hợp 2: 30 ngày					
a) Lưu đồ thẩm định nộp lần đầu:					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích).	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Môi trường	27 ngày	Phụ lục đính kèm	- Lấy ý kiến các Cơ Quan, Chuyên Gia; Công khai thông tin (Nếu Hồ Sơ Đủ Điều Kiện) (*), thời gian 10 ngày. - Chờ ý kiến các cơ quan, chuyên gia; tiếp nhận ý kiến các cơ quan, chuyên gia và chuyển Phòng Môi trường (**) ngừng xử lý tối đa 20 ngày - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh

Bước 4	- Ký giấy phép và công khai giấy phép môi trường. - Ký văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày		- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC. - Hoặc chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC.
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết		**30 ngày**			
b) Lưu đồ nộp sau khi chỉnh sửa, bổ sung:					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Môi trường	12 ngày		
Bước 4	- Ký giấy phép và công khai giấy phép môi trường. - Ký văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày		- Nhận giấy phép và trả

					Trung tâm Phục vụ HCC. - Hoặc chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC.
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết		**15 ngày**			
Ghi chú: (*) Trường hợp dự án không phải lấy ý các cơ quan, chuyên gia (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025), thì không thực hiện việc lấy ý kiến. (**) Thời gian tối đa để các cơ quan có ý kiến là 7 ngày và các chuyên gia có ý kiến là 20 ngày (theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025). **HĐTĐ:** hội đồng thẩm định; **VB:** văn bản; **TĐ:** thẩm định; **HS:** hồ sơ.					
2. Cấp đổi giấy phép môi trường. Mã thủ tục hành chính: 1.010728. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Môi trường	07 ngày		
Bước 4	- Ký giấy phép và công khai giấy phép môi trường.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày		

	- Ký văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ.				
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày		- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC. - Hoặc Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC.
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết		**10 ngày**			
3. Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường. Mã thủ tục hành chính: 1.010729. Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày	Phụ lục đính kèm	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Môi trường	21 ngày		

Bước 4	- Ký giấy phép và công khai giấy phép môi trường. - Ký văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	03 ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày		- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC. - Hoặc Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC.
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết		**25 ngày**			
4. Cấp lại giấy phép môi trường. Mã thủ tục hành chính: 1.010730. Một phần					
4.1. Trường hợp 1: 20 ngày					
a1) Lưu đồ thẩm định hồ sơ					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích).	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày	Phụ lục đính kèm	Trực tuyến toàn trình khi có yêu cầu của Chủ dự án đầu tư không thuộc đối tượng

					phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Môi trường	17 ngày		- Lấy ý kiến các Cơ Quan, Chuyên Gia; Công khai thông tin (Nếu Hồ Sơ Đủ Điều Kiện) (*), thời gian 10 ngày. - Chờ ý kiến các cơ quan, chuyên gia; tiếp nhận ý kiến các cơ quan, chuyên gia và chuyển Phòng Môi trường (**) ngừng xử lý tối đa 20 ngày -

					Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh
Bước 4	- Ký giấy phép và công khai giấy phép môi trường. - Ký văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày		- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC. - Hoặc Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC.
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết		**20 ngày**			
b) Lưu đồ nộp sau khi chỉnh sửa, bổ sung					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích).	Trung tâm phục vụ HCC	0,25 ngày		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Môi trường	03 ngày		

Bước 4	- Ký giấy phép và công khai giấy phép môi trường. - Ký văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	01 ngày	Không quy định	
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày		- Nhận giấy phép và trả Trung tâm Phục vụ HCC. - Hoặc Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC.
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết		**05 ngày**			
4.2. Trường hợp 2: 30 ngày					
a) Lưu đồ thẩm định nộp lần đầu:					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích).	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày	Phụ lục đính kèm	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Môi trường	27 ngày		- Lấy ý kiến các Cơ Quan, Chuyên Gia; Công khai

					thông tin (Nếu Hồ Sơ Đủ Điều Kiện) (*), thời gian 10 ngày. - Chờ ý kiến các cơ quan, chuyên gia; tiếp nhận ý kiến các cơ quan, chuyên gia và chuyển Phòng Môi trường (**) ngừng xử lý tối đa 20 ngày - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh
Bước 4	- Ký giấy phép và công khai giấy phép môi trường. - Ký văn bản đề nghị chỉnh sửa hoặc văn bản trả hồ sơ.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	02 ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày		- Nhận giấy phép và trả Trung tâm

					Phục vụ HCC. - Hoặc Chuyển hồ sơ không đạt đến Trung tâm Phục vụ HCC.
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết		**30 ngày**			
b) Lưu đồ nộp sau khi chỉnh sửa, bổ sung:					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tiếp, trực tuyến, bưu điện)	Trung tâm Phục vụ HCC	0,25 ngày	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Môi trường	0,25 ngày		
IX. Lĩnh vực tài nguyên nước					
1. Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất. Mã thủ tục hành chính 1.004122. Một phần					
- Quy trình chính					
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích).	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	**- Nộp trực tiếp:** + 2.500.000 đồng: Đối với quy mô nhỏ.	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**17** ngày		- Văn bản thông báo lý do

				+ 7.500.000 đồng: Đối với quy mô vừa và lớn. **- Nộp trực tuyến:** + 1.250.000 đồng: Đối với quy mô nhỏ. + 3.750.000 đồng: Đối với quy mô vừa và lớn.	không giải quyết. (Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc); - Trường hợp cần bổ sung hồ sơ, thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm

					định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ), sau khi bổ sung hồ sơ sẽ thực hiện theo quy trình phụ
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**05** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		

Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**24 ngày**		
Quy trình phụ (Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện) Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ). Quy trình các bước thực hiện như sau:					*Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ*
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích).	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	-	-
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**08** ngày		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**04** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		

Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**14 ngày**		
2. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất, Mã thủ tục hành chính 2.001738. Một phần					
- Quy trình chính					
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật).	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	**- Nộp trực tiếp:** + 2.000.000 đồng: Đối với quy mô nhỏ + 6.000.000 đồng: Đối với quy mô vừa và lớn. **- Nộp trực tuyến:** + 1.000.000 đồng: Đối với quy mô nhỏ. + 3.000.000	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**11** ngày		- Văn bản thông báo lý do không giải quyết. *(Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc);* - Trường hợp cần

				đồng: Đối với quy mô vừa và lớn.	bổ sung hồ sơ, thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/

					NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ), sau khi bổ sung hồ sơ sẽ thực hiện theo quy trình phụ
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**04** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**17 ngày**		
Quy trình phụ (Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện) Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ). Quy trình các bước thực hiện như sau:					*Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân không tính vào*

					thời gian thẩm định hồ sơ
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,25** ngày làm việc	-	-
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,25** ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**2,5** ngày làm việc		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**1,5** ngày làm việc		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,25** ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,25** ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***05 ngày làm việc***		
3. Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất, Mã thủ tục hành chính 1.004253. Toàn trình					
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích).	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,25** ngày làm việc	Không quy định	

Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,25** ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**04** ngày làm việc		Văn bản thông báo lý do không giải quyết. *Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ*
Bước 4	Xem xét, thẩm duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**03** ngày làm việc		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,25** ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,25** ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***08 ngày làm việc***		

4. Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất, Mã thủ tục hành chính 1.012501. Toàn trình					
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến hoặc bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,25** ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,25** ngày làm việc		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ:	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**04** ngày làm việc		Văn bản thông báo lý do không giải quyết. *Không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ*
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**03** ngày làm việc		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,25** ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,25** ngày làm việc		

Tổng cộng thời gian giải quyết			***08 ngày làm việc***		
5. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền, Mã thủ tục hành chính 1.012505. Toàn trình					
- ***Quy trình chính***					
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**19** ngày		- Văn bản thông báo lý do không giải quyết. *Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;* - Trường hợp cần bổ sung

					hồ sơ, thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/ NĐ-CP

					ngày 16/5/2024 của Chính phủ), sau khi bổ sung hồ sơ sẽ thực hiện theo quy trình phụ
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**05** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***26 ngày***		
Quy trình phụ (Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện) Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ). Quy trình các bước thực hiện như sau:					*Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian*

					thẩm định hồ sơ
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	-	-
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**10** ngày		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**03** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***15 ngày***		
6. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành, Mã thủ tục hành chính 1.009669. Toàn trình.					
- ***Quy trình chính***					

Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**19** ngày		- Văn bản thông báo lý do không giải quyết. *Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;* - Trường hợp cần bổ sung hồ sơ, thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận

					01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/ NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ), sau khi bổ sung hồ

					sơ sẽ thực hiện theo quy trình phụ.
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**05** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***26 ngày***		
Quy trình phụ (Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện) Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ). Quy trình các bước thực hiện như sau:					*Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ*
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ**	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	-	-

	(Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)				
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**10** ngày		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**03** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***15 ngày***		
7. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh tương ứng: 2.001770. Toàn trình					
7.1. Trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước					
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	Không quy định	

Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**35** ngày		Việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện đồng thời với việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**08** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		

Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***45 ngày***		
7.2. Trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước					
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**30** ngày		Việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện đồng thời với việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị

					cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**06** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***38 ngày***		
7.3 Trường hợp giấy phép khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền cấp Bộ Nông nghiệp và Môi trường					
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	Không quy định	Đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		

Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**19** ngày		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**05** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân		**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***26 ngày***		
8. Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. Mã thủ tục hành chính 1.004283. Toàn trình					
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**15** ngày		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**04** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		

Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***21 ngày***		
9. Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.012500. Toàn trình					
- Quy trình chính					
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**16** ngày		- Văn bản thông báo lý do không giải quyết. *Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;*

					- Trường hợp cần bổ sung hồ sơ, thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị

					định số 54/2024/ NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ), sau khi bổ sung hồ sơ sẽ thực hiện theo quy trình phụ.
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**05** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***23 ngày***		
Quy trình phụ (Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện) Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ).					*Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của tổ*

Quy trình các bước thực hiện như sau:					*chức, cá nhân không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ*
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,25** *ngày làm việc*	-	-
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,25** *ngày làm việc*		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**03** *ngày làm việc*		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**02** *ngày làm việc*		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,25** *ngày làm việc*		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,25** *ngày làm việc*		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***06 ngày làm việc***		
10. Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.004232. Một phần					

- Quy trình chính					
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	**- Nộp trực tiếp:** + 2.500.000 đồng: Đối với Đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200m^3/ngày đêm. + 7.500.000 đồng: Đối với Đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m^3 đến dưới 5.000m^3/ngày đêm.	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**35** ngày		- Văn bản thông báo lý do không giải quyết. *(Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ);* - Trường hợp cần bổ sung hồ sơ, thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi

				- Nộp trực tuyến: + 1.250.000 đồng: Đối với Đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200m^3/ngày đêm. + 3.750.000 đồng: Đối với Đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m^3 đến dưới 5.000m^3/ngày đêm.	Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ), sau khi bổ

					sung hồ sơ sẽ thực hiện theo quy trình phụ.
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**08** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***45 ngày***		
Quy trình phụ (Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện) Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ). Quy trình các bước thực hiện như sau:					*Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ*
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ**	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		

	(Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)				
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**17** ngày		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**05** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***24 ngày***		
11. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.004228. Một phần					
- Quy trình chính					
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	**- Nộp trực tiếp:** + 2.000.000 đồng: Đề	

Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày	án, Báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200 m^3/ngày đêm. + 6.000.000 đồng: Đề án, Báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200 m^3 đến dưới 5.000	
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**30** ngày		- Văn bản thông báo lý do không giải quyết. *(Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ);* - Trường hợp cần bổ sung hồ sơ, thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh

				m^3/ngày đêm. **- Nộp trực tuyến:** + 1.000.000 đồng: Đề án, Báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung thiết kế giếng thăm dò nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200 m^3/ngày đêm. + 3.000.000 đồng: Đề án, Báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò,	sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ), sau khi bổ sung hồ sơ sẽ thực hiện theo quy trình phụ.

Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**06** ngày	khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200 m^3 đến dưới 5.000 m^3/ngày đêm.	
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***38 ngày***		
Quy trình phụ (Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện) Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ). Quy trình các bước thực hiện như sau:					*Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ*

Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	-	-
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**17** ngày		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**05** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***24 ngày***		
12. Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.004223. Một phần					
- Quy trình chính					
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	**- Nộp trực tiếp:** + 2.500.000	

Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày	đồng: Đối với báo cáo kết quả thi công giếng có lưu lượng dưới 200m^3/ngày đêm. + 7.500.000 đồng: Đối với báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m^3 đến dưới 5.000m^3/ngày đêm. + 2.500.000 đồng: Đối với báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới	
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**35** ngày		- Văn bản thông báo lý do không giải quyết. *(Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ);* - Trường hợp cần bổ sung hồ sơ, thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh

				đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động có lưu lượng nước dưới 200m^3/ngày đêm. + 7.500.000 đồng: Đối với báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động có lưu lượng nước từ 200m^3 đến dưới 5.000m^3/ngày đêm.	sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ), sau khi bổ sung hồ sơ sẽ thực hiện theo quy trình phụ.

Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**08** ngày	**- Nộp trực tuyến:** + 1.250.000 đồng: Đối với báo cáo kết quả thi công giếng có lưu lượng dưới 200m^3/ngày đêm. + 3.750.000 đồng: Đối với báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m^3 đến dưới 5.000m^3/ngày đêm. + 1.250.000 đồng: Đối với báo cáo	
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		

				hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động có lưu lượng nước dưới 200m^3/ngày đêm. + 3.750.000 đồng: Đối với báo cáo hiện trạng khai thác nước dưới đất trường hợp công trình khai thác đang hoạt động có lưu lượng nước từ 200m^3 đến dưới 5.000m^3/ngày đêm	

Tổng cộng thời gian giải quyết			***45 ngày***		
Quy trình phụ (Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện) Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ). Quy trình các bước thực hiện như sau:					*Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ*
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	-	-
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**17** ngày		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**05** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		

Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***24 ngày***		
13. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.004211. Một phần					
- Quy trình chính					
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	**- Nộp trực tiếp:** + 2.000.000 đồng: Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200m^3/ngày đêm. + 6.000.000 đồng: Đề án, báo cáo	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**30** ngày		- Văn bản thông báo lý do không giải quyết. *(Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ);*

				gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m^3 đến dưới 5.000m^3/ngày đêm. **- Nộp trực tuyến:** + 1.000.000 đồng: Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước dưới 200m^3/ngày đêm.	- Trường hợp cần bổ sung hồ sơ, thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị

				+ 3.000.000 đồng: Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác nước dưới đất có lưu lượng nước từ 200m^3 đến dưới 5.000m^3/ngày đêm.	định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ), sau khi bổ sung hồ sơ sẽ thực hiện theo quy trình phụ.
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**06** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***38 ngày***		
Quy trình phụ (Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện)					*Thời gian bổ sung,*

Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ). Quy trình các bước thực hiện như sau:					*hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ*
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**17** ngày		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**05** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***24 ngày***		

14. Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e Khoản 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025), Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.004179. Một phần					
- Quy trình chính					
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	**- Nộp trực tiếp:** + 7.500.000 đồng: Thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt (đối với trường hợp công trình chưa khai thác nước) + 7.500.000 đồng: Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác, sử dung nước mặt (đối với	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**35** ngày		- Văn bản thông báo lý do không giải quyết. *(Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ);* - Trường hợp cần bổ sung hồ sơ,

				trường hợp công trình đã khai thác nước và đối với trường hợp công trình thủy lợi gồm: hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, cống thủy lợi,… vận hành trước năm 2013). **- Nộp trực tuyến:** + 3.750.000 đồng: Thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt (đối với trường hợp công trình chưa khai thác	thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/ NĐ-CP ngày

				nước). + 3.750.000 đồng: Thẩm định báo cáo hiện trạng khai thác, sử dung nước mặt (đối với trường hợp công trình đã khai thác nước và đối với trường hợp công trình thủy lợi gồm: hồ chứa, đập dâng, trạm bơm, cống thủy lợi,… vận hành trước năm 2013).	16/5/2024 của Chính phủ), sau khi bổ sung hồ sơ sẽ thực hiện theo quy trình phụ.
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**08** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		

Tổng cộng thời gian giải quyết			***45 ngày***		
Quy trình phụ (Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện) Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ). Quy trình các bước thực hiện như sau:					*Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ*
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	-	-
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**17** ngày		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**05** ngày		

Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***24 ngày***		
15. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.004167. Một phần					
- Quy trình chính					
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	**- Nộp trực tiếp:** 6.000.000 đồng: Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt. **- Nộp trực tuyến:** 3.000.000 đồng: Đề án, báo cáo gia hạn, điều chỉnh nội dung	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**30** ngày		- Văn bản thông báo lý do không giải quyết. *(Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ);*

				giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt.	- Trường hợp cần bổ sung hồ sơ, thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị

					định số 54/2024/ NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ), sau khi bổ sung hồ sơ sẽ thực hiện theo quy trình phụ.
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**06** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***38 ngày***		
Quy trình phụ (Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện) Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ). Quy trình các bước thực hiện như sau:					*Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân không*

					tính vào thời gian thẩm định hồ sơ
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**17** ngày		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**05** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***24 ngày***		
16. Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.011518 .Toàn trình					
- Quy trình chính					

Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**16** ngày		- Văn bản thông báo lý do không giải quyết. *Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ;* - Trường hợp cần bổ sung hồ sơ, thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận

					01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/ NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ), sau khi bổ sung hồ

					sơ sẽ thực hiện theo quy trình phụ.
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**05** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***23 ngày***		
Quy trình phụ (Trường hợp hồ sơ yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện) Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi Bộ phận 01 cửa tiếp nhận hồ sơ, báo cáo đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện (Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ). Quy trình các bước thực hiện như sau:					*Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ của tổ chức, cá nhân không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ*
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ**	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,25** *ngày làm việc*	-	-

	(Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)				
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,25** *ngày làm việc*		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**3,5** *ngày làm việc*		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**1,5** *ngày làm việc*		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,25** *ngày làm việc*		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,25** *ngày làm việc*		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***06 ngày làm việc***		
17. Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước, Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.000824 .Toàn trình					
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	Do UBND cấp tỉnh quy định (Nghị quyết số 16/2020/NQ-HĐND	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		

Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**12** ngày	ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh chưa quy định mức phí cho loại TTHC này).	Văn bản thông báo lý do không giải quyết. *Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ*
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**03** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**17 ngày**		
18. Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch. Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.012502. Toàn trình					
18.1. Trường hợp nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh					

Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**10** ngày		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**02** ngày		
Bước 5	Nhận kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**14 ngày**		
18.2. Trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa cấp xã					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Bộ phận Một cửa cấp xã	**02** ngày	Không quy định	
Bước 2	Luân chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn để thẩm định	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		

Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**8** ngày		
Bước 4	Xem xét, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**02** ngày		
Bước 5	Phát hành kết quả, chuyển hồ sơ đến Bộ phận một cửa cấp xã	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**01** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa cấp xã	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**14 ngày**		
19. Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển. Mã thủ tục hành chính cấp tỉnh 1.011516. Toàn trình					
19.1. Trường hợp 14 ngày					
**** Trường hợp nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công***					
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		

Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**10** ngày		
Bước 4	Xem xét, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**02** ngày		
Bước 5	Phát hành kết quả, chuyển Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm Phục vụ HCC	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**14 ngày**		
**** Trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa UBND cấp xã***					
Bước 1	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật)	Bộ phận Một cửa cấp xã	**02** ngày	Không quy định	
Bước 2	Luân chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn để thẩm định	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**8,5** ngày		
Bước 4	Xem xét, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**02** ngày		

Bước 5	Phát hành kết quả, chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa cấp xã	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa cấp xã	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**14 ngày**		
19.2. Trường hợp công trình khai thác nước là hồ chứa, đập dâng thời hạn giải quyết thủ tục hành chính trong vòng 28 ngày					
**** Trường hợp nộp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công***					
Bước 1	**Tiếp nhận hồ sơ** (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật)	Trung tâm HCC tỉnh	**0,5** ngày	Không quy định	
Bước 2	Phân công thụ lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Chuyên viên Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**21** ngày		
Bước 4	Xem xét, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**05** ngày		
Bước 5	Phát hành kết quả, chuyển hồ sơ đến Trung tâm phục vụ HCC	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		

Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Trung tâm HCC tỉnh	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			**28 ngày**		
**** Trường hợp nộp hồ sơ tại Bộ phận Một cửa UBND cấp xã***					
Bước 1	Tiếp nhận và chuyển hồ sơ đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Trực tiếp, trực tuyến, bưu chính công ích hoặc qua uỷ quyền theo quy định của pháp luật)	Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã	**02** ngày		
Bước 2	Luân chuyển hồ sơ đến Phòng chuyên môn để thẩm định	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 3	Thẩm định, xử lý hồ sơ	Phòng Khoáng sản và Thuỷ lợi - Sở Nông nghiệp và Môi trường	**19,5** ngày		
Bước 4	Xem xét, phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	**05** ngày		
Bước 5	Phát hành kết quả, chuyển hồ sơ đến Bộ phận Một cửa cấp xã	Văn phòng Sở Nông nghiệp và Môi trường	**0,5** ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa cấp xã	**0,5** ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			***28 ngày***		

Phụ lục

PHÍ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG, GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG, PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

I. Nghị Quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đối với thủ tục thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường - mã TTHC**: 1.010733** và Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản, báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP - mã TTHC: **1.010735**)

1.1 Mức thu phí thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, mã TTHC - **1.010733:**

- Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức họp hội đồng.

Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.500.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 12.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.000.000 đồng

Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 6.900.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 8.500.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 15.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 16.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 25.000.000 đồng

Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 7.500.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 9.500.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 17.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 18.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 25.000.000 đồng

Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 10.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 11.700.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 19.200.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.200.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 26.000.000 đồng

Nhóm 5. Dự án giao thông:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 8.100.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 10.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 18.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 25.000.000 đồng

Nhóm 6. Dự án công nghiệp:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 8.400.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 10.500.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 19.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 20.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 26.000.000 đồng

Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6):

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 10.800.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 12.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 15.600.000 đồng

- Mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thực hiện thẩm định thông qua hình thức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan.

Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.500.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.600.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 8.400.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 9.800.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 11.900.000 đồng

Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 4.900.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 10.500.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 11.200.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.500.000 đồng

Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.300.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.700.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 11.900.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 12.600.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.500.000 đồng

Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 7.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 8.200.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 13.500.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.200.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 18.200.000 đồng

Nhóm 5. Dự án giao thông:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.700.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 7.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 12.600.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 17.500.000 đồng

Nhóm 6. Dự án công nghiệp:

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.900.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 7.400.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 13.300.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 14.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 18.200.000 đồng

Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2,3,4,5,6):

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 3.500.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 4.200.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 7.600.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 8.400.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 11.000.000 đồng

1.2 Mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường khai thác, chế biến khoáng sản, mã TTHC -**1.010735:**

Tổng vốn đầu tư ≤ 50 tỷ: 5.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 50 tỷ và ≤ 100 tỷ: 6.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 100 tỷ và ≤ 200 tỷ: 10.800.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 200 tỷ và ≤ 500 tỷ: 12.000.000 đồng

Tổng vốn đầu tư > 500 tỷ: 15.600.000 đồng

II. Nghị Quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai Quy định phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Cấp giấy phép môi trường, Mã TTHC - 1.010727, Cấp lại giấy phép môi trường Mã TTHC - 1.010730, Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường, Mã TTHC - 1.010729)

2.1. Mức thu phí thẩm định cấp, cấp lại Giấy phép môi trường:

- Dự án đầu tư, cơ sở đã có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá 1 tác động môi trường thuộc thẩm quyền thẩm định, cấp giấy phép môi trường của UBND cấp tỉnh: 12.100.000 đồng

- Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường phải có giấy phép môi trường quy định tại các điểm a và b khoản 4; khoản 5 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

+ Cấp tỉnh: 14.650.000 đồng

+ Cấp huyện: 9.100.000 đồng

- Các dự án đầu tư, cơ sở quy định tại khoản 2 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường hoạt động trước ngày Luật Bảo vệ môi trường 2020 có hiệu lực,

+ Cấp tỉnh: 11.960.000 đồng

+ Cấp huyện: 6.400.000 đồng

- Các trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 4.800.000 đồng

2.2. Mức thu phí thẩm định cấp điều chỉnh Giấy phép môi trường cấp tỉnh và cấp huyện: 5.600.000 đồng